

**BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2006/QĐ-BBCVT

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành cước thuê kênh viễn thông nội hạt
của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) tại Công văn số 1821/GC-TT ngày 06/4/2006 về phương án giảm cước thuê kênh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng cước dịch vụ thuê kênh viễn thông nội hạt của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Điều 2. Các mức cước nêu trong Bảng cước kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Nam Thắng

**CƯỚC THUÊ KÊNH VIỄN THÔNG NỘI HẠT CỦA TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BBCVT ngày 10 tháng 7 năm 2006 của Bộ Bưu chính, Viễn thông)

1. Bảng cước thuê kênh viễn thông nội hạt (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng):

Đơn vị tính: 1000 VNĐ/Kênh/Tháng

TT	Kênh tốc độ	Các mức cước	
		Sàn	Trần
1	Kênh tốc độ 56/64 Kbps	783	1.096
2	Kênh tốc độ 2 Mbps	6.578	9.209
3	Kênh tốc độ 45 Mbps	57.882	81.035
4	Kênh tốc độ 155 Mbps	165.754	232.055

2. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

- Quy định cước cước đầu nối hòa mạng ban đầu.
- Quy định mức cước cụ thể cho các kênh tốc độ khác trên cơ sở khung cước các tốc độ chuẩn đã được quy định tại Quyết định này. Mức cước cho các kênh tốc độ khác này không được thấp hơn mức cước của kênh tốc độ tiêu chuẩn kể dưới và không được cao hơn mức cước của kênh tiêu chuẩn kể trên ứng với các tốc độ quy định trong Bảng cước trên.

- Giảm cước cho các đối tượng khách hàng lớn, khách hàng đặc biệt nhưng mức giảm không được vượt quá 30% mức cước sàn quy định trong Bảng cước tại Mục 1.

- Khi ban hành quyết định các mức cước cụ thể theo thẩm quyền, Tập đoàn có thông báo với Bộ Bưu chính, Viễn thông 10 ngày làm việc trước khi quyết định có hiệu lực.

3. Đối tượng áp dụng: Là các khách hàng sử dụng dịch vụ thuê kênh nội hạt của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam./.